

H, ngày 10 tháng 6 năm 2021

Số: 98/2021/QĐST- DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 175/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S; sinh năm 1942;

Trú tại: Số nhà 25, tổ 3, khu 6, phường HL, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Thu A, sinh năm 1977

Trú tại: Ngõ 106, nhà số 4, phường N, đường Âu Cơ, phường N, quận T, thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 25, tổ 3, khu 6, phường HL, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Mạnh C;

Địa chỉ: Tổ 17, khu 2, phường Hồng Gai, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thành C; sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ 85, khu 5, phường Bạch Đằng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Thu A, sinh năm 1977;

Trú tại: Ngõ 106, nhà số 4, phường N, đường Âu Cơ, phường N, quận T, thành phố Hà Nội;

2. Trần Diệp A, sinh năm 2001;
3. Trần Phương A1, sinh năm 2004;

Cùng trú tại: Tổ 17, khu 1, phường Bạch Đằng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất di sản thừa kế anh Thành để lại gồm $\frac{1}{2}$ giá trị của các tài sản sau:

- 01 Quyền sử dụng đất có diện tích 271,1m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 29 thuộc tổ 3, khu 6, phường HL, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 412755, sổ vào sổ cấp GCN CH 00293 cấp ngày 07/01/2011 và tài sản trên đất là ngôi nhà 3 tầng có diện tích xây dựng 80m², diện tích sàn 273,68m² xây dựng năm 2010; Tổng giá trị tài sản là 2.281.083.200 đồng (theo biên bản định giá ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản)

- Tài sản trong nhà tại tổ 3, khu 6, phường HL, thành phố H, giá trị là 300.000.000 đồng

- Quyền sử dụng ô đất số 34, lô B9 diện tích là 95m² có hợp đồng góp vốn số 38/HĐGV- BM mang tên chị Nguyễn Thị L ngày 08/4/2008 của Công ty xây dựng công trình 547 tại khu đô thị Bãi Muối, phường Cao Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có giá trị đất là 752.400.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản)

- Quyền sử dụng ô đất số 35, lô B9 diện tích là 95m² có hợp đồng góp vốn số 39/HĐGV- BM mang tên chị Nguyễn Thị L ngày 08/4/2008 của Công ty xây dựng công trình 547 tại khu đô thị Bãi Muối, phường Cao Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có giá trị đất là 752.400.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản)

Tổng giá trị tài sản là 4.085.883.200 đồng. Do đó, di sản anh Thành để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 2.042.941.600 đồng (*Hai tỷ không trăm bốn mươi hai triệu chín trăm bốn một nghìn sáu trăm đồng*)

Về hàng thừa kế của anh Thành gồm 5 người là: Phạm Thị S – mẹ của anh Thành, chị Nguyễn Thị L là vợ anh Thành, 02 con chung của anh Thành và chị Loan là Trần Diệp A, Trần Phương A1 và cháu Trần Thành C là con riêng của anh Trần Văn T. Vì vậy, mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị là 408.588.320 đồng;

Anh Trần Thành C có nguyện vọng nhận phần di sản thừa kế và chuyển phần di sản thừa kế của anh Công sang cho bà Phạm Thị S

Chị Trần Phương A1 và Trần Diệp A đều có quan điểm nhận phần di sản thừa kế và chuyển phần di sản thừa kế của mình cho mẹ là chị Nguyễn Thị L

Các đương sự thống nhất: Bà Phạm Thị S được quyền quản lý và sử dụng

nhà, đất tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 29 tại tổ 3, khu 6, phường HL, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BD 412755, số vào sổ cấp GCN CH 00293 cấp ngày 07/01/2011 cho Trần Văn T và Nguyễn Thị L. Do đó, bà Sừ sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia thừa kế cho chị Nguyễn Thị L, cháu Trần Diệp A, cháu Trần Phương A1 số tiền 1.750.000.000 đồng trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày ký biên bản hòa giải (ngày 02/6/2021) để được quản lý và sử dụng Quyền sử dụng đất có diện tích 271,1m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 29 thuộc tổ 3, khu 6, phường HL, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BD 412755, số vào sổ cấp GCN CH 00293 cấp ngày 07/01/2011 mang trên Trần Văn T và Nguyễn Thị L và tài sản trên đất là ngôi nhà 3 tầng có diện tích xây dựng 80m², diện tích sàn 273,68m² xây dựng năm 2010 cùng toàn bộ tài sản trong nhà (giá trị đã tính ở trên). Bà Phạm Thị S có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 1.750.000.000 đồng 1 lần cho chị Nguyễn Thị Loan (Cháu Trần Diệp A, Trần Phương A1 đã chuyển phần di sản thừa kế của các cháu cho chị Nguyễn Thị L). Sau khi nhận được tiền chị Loan có trách nhiệm giao toàn bộ giấy tờ nhà đất cho bà Phạm Thị S để bà Sừ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng nhà và đất đã nêu ở trên cho bà Phạm Thị S theo quy định của pháp luật

Chị Nguyễn Thị L được Quyền quản lý sử dụng ô đất số 34, lô B9 diện tích là 95m² có hợp đồng góp vốn số 38/HĐGV- BM mang tên chị Nguyễn Thị L ngày 08/4/2008 của Công ty xây dựng công trình 547 tại khu đô thị Bãi Muối, phường Cao Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và ô đất số 35, lô B9 diện tích là 95m² có hợp đồng góp vốn số 39/HĐGV- BM mang tên chị Nguyễn Thị L ngày 08/4/2008 của Công ty xây dựng công trình 547 tại khu đô thị Bãi Muối, phường Cao Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- Về chi phí tố tụng: Các đương sự đã tự thỏa thuận xong phần chi phí tố tụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí chia di sản thừa kế là 24.386.474 đồng (Hai mươi tư triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bảy bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hương